

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1983 và ông Bùi Văn D, sinh năm 1977; cùng ngụ tại: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà H có mặt; bị đơn bà H1, ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019, khởi kiện bổ sung ngày 13/8/2019, quá trình tham gia tố tụng và tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Trương Thị H) trình bày:

Nguyên giữa bà H và vợ chồng bà H1, ông D có mối quan hệ quen biết nên ngày 26/02/2017 bà H có cho bà H1, ông D vay số tiền là 30.000.000 đồng và hứa trả vào ngày 26/4/2017. Việc vay mượn hai bên có lập giấy nợ và bà H1, ông D ký tên xác nhận nhưng đến thời hạn ngày 26/4/2017, vợ chồng bà H1 tiếp tục gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 26/8/2017 nhưng sau đó tháng 11 năm 2017, bị đơn có thanh toán cho bà H 1.000.000 đồng, còn lại 29.000.000 đồng không thanh toán nữa. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 và ông D liên đới thanh toán số tiền còn nợ lại là 29.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2017 cho đến xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,75%/tháng là 6.090.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu bà H1 và ông D liên đới thanh toán 35.090.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 đối với bị đơn (bà Trần Thị H1) thể hiện:

Bà H1 và ông D có quan hệ là vợ chồng. Hiện bà H1 đang làm công nhân ở khu công nghiệp R, còn ông D làm thuê. Ngày 26/02/2017, bà H1 và ông D có đến nhà bà H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và cam kết đến ngày 26/4/2017 sẽ thanh toán số tiền trên. Mục đích vay tiền là mua xe tải để buôn bán hàng thực phẩm rau, trái cây. Giấy vay tiền do chính tay bà H lập và ông D, bà H1 cùng ký tên xác nhận. Hai bên đã giao nhận tiền đầy đủ. Bà H1 đã thanh toán cho bà H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cụ thể: Bà H1 đã thanh toán cho bà H số tiền 15.000.000 đồng tương đương số tiền mỗi tháng là 1.000.000 đồng/15 tháng; còn lại 10.000.000 đồng thì bà H1 giữ lại vì đây là số tiền hui mà bà H1 tham gia chơi hui với bà H (bà H là chủ hui), đây hui gồm có 13 người tham gia, mỗi phần 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H1 không có giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà H1 đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), còn lại 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) thì không đồng ý.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông D, bà H1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh, bị đơn bà H1 và ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục.

Về nội dung vụ án phía bà H1, ông D đã vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng nhưng đã thanh toán được 1.000.000 đồng, còn lại 29.000.000 đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 29.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền lãi tính từ ngày 26/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 35.090.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019, nguyên đơn bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D phải thanh toán số tiền vay là 29.000.000 đồng. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình làm việc tại Tòa án thể hiện phía bị đơn đang cư ngụ, sinh sống tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 26/02/2017, vợ chồng bà Trần Thị H1 và ông Bùi Văn D có vay của bà Trương Thị H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) với mục đích làm ăn. Khi vay tiền thì bà H là người lập giấy nợ và hai vợ chồng bà H1, ông D cùng ký tên xác nhận với nội dung cam kết đến ngày 26/4/2017 sẽ thanh toán số tiền trên, tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ thì bị đơn tiếp tục lập giấy hẹn đến ngày 26/8/2017 điều này thể hiện tại chứng cứ ngày 26/02/2017 có nội dung vay tiền 30.000.000 đồng có chữ ký của bà H1 và ông D do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và được bà H1 thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai đối với bà H1 ngày 26/3/2019 cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa thanh toán nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà H1 đưa ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có

vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình làm đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại là 29.000.000 đồng vì cho rằng vào thời điểm tháng 11 năm 2017 bà H1, ông D đã trả được số tiền 1.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì thể hiện việc thanh toán này, xét đây là ý chí tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền gốc 29.000.000 đồng là phù với Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, yêu cầu tính lãi phát sinh của nguyên đơn: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi 6.090.000 đồng, tính từ ngày 26/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28 tháng. Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây là lỗi cố ý của bị đơn là cố tình kéo dài vụ án, không hoàn trả tài sản đã nhận của người khác và nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cần xem xét đến mức lãi phát sinh đối với số tiền gốc 29.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi xuất tại thời điểm xét xử là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu thời gian tính lãi là 0,75% x 28 tháng x 29.000.000 đồng = 6.090.000 đồng là phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 35.090.000 đồng (bao gồm 29.000.000 đồng tiền gốc và 6.090.000 đồng tiền lãi).

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trương Thị H số tiền 35.090.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H1, ông Bùi Văn D phải liên đới chịu 1.754.500 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Trương Thị H 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012918 ngày 12/02/2019 và số AA/2016/0031852 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2019).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam